

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 18 tháng 8 năm 2020  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:*  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1997. Có mặt  
Cư trú: Số 768, tổ 32, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V có Luật sư Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Văn Phòng Luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang có mặt

+ Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Công Thành D**, sinh năm 1990. Có mặt.  
Cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông D chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến 08/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chồng có tính hay ghen, chồng cờ bạc không lo vợ con. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với ông Huỳnh Văn Công Thành D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Yến V, sinh ngày 14.02.2014 hiện nay con chung đang chung sống với bà H. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn: ông Huỳnh Văn Công Thành D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Huỳnh Văn Công Thành D. Ông D có nơi cư trú tại ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà H và ông D không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông D không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn Công Thành D trình bày ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc H, nay bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Huỳnh Văn Công Thành D là phù hợp được quy định tại Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: bà H và ông D trình bày có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Yến V, sinh ngày 14.02.2014. Hiện tại con chung đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Huỳnh Ngọc Yến V. Ông D yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Vy đang sống với bà H đảm bảo tâm sinh lý, thể chất phát triển nên việc giao con chung cho bà H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: bà H và ông D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: bà H và ông D trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông D trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:**

- Các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Huỳnh Văn Công Thành D.

2. *Về quan hệ con chung*: Bà H được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Yến Vy, sinh ngày 14.02.2014. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà H và ông D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: Bà H và ông D trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông D trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008546 ngày 27.4.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Huỳnh Văn Công Thành D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án../.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Quang Thanh**